

GIẢNG DẠY THEO PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP DỰA TRÊN  
TÌNH HUỐNG (CASE BASED LEARNING - CBL) TRONG ĐÀO TẠO  
SINH VIÊN KHỐI NGÀNH KHOA HỌC SỨC KHOẺ

Lê Văn Minh, Lê Thị Gái, Nguyễn Thị Bé Hai, Nguyễn Văn Thống\*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

\*Email: nvthong@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 22/11/2023

Ngày phản biện: 14/12/2023

Ngày duyệt đăng: 25/12/2023

## TÓM TẮT

**Đặt vấn đề:** Phương pháp học tập dựa trên trường hợp (CBL) là một giải pháp linh hoạt, thúc đẩy việc áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng thực hành, đặc biệt hữu ích trong khối ngành khoa học sức khỏe. CBL giúp xây dựng kiến thức sâu sắc và chuẩn bị tinh thần cho thách thức trong lâm sàng, thích ứng tốt với sự thay đổi trong cách người học tiếp cận thông tin mới, họ trở thành chuyên gia tự học và sáng tạo. Vì thế, chúng tôi tiến hành một bài báo tổng quan về giảng dạy theo phương pháp CBL trong đào tạo sinh viên thuộc khối ngành khoa học sức khỏe. **Mục tiêu nghiên cứu:** Cung cấp một cái nhìn tổng quan về phương pháp giảng dạy CBL và hiệu quả mà nó mang lại. **Thu thập, xử lý tài liệu tham khảo:** Chúng tôi tìm kiếm các bài viết liên quan đến CBL trong giảng dạy cho sinh viên với trọng tâm ở khối ngành sức khỏe, từ đó đúc kết ra các yêu cầu về giảng dạy CBL, ưu nhược điểm cũng như quy trình thực hiện giảng dạy phương pháp này. Bên cạnh đó, những thông tin liên quan đến áp dụng CBL và hiệu quả của nó cũng được đề cập. **Kết luận:** Phương pháp CBL không chỉ giúp sinh viên khối ngành sức khỏe cải thiện điểm số học tập mà còn khuyến khích khả năng thực hiện và phân tích các tình huống, đồng thời mang lại những lợi ích quan trọng cho sự phát triển kỹ năng lâm sàng của họ. Kết quả từ các nghiên cứu còn cho thấy phương pháp giảng dạy CBL có thể tăng cường tính chuyên nghiệp và làm tăng sự tự tin trong vai trò của họ trong tương lai.

**Từ khóa:** Phương pháp học tập dựa trên tình huống, khối ngành sức khỏe, giáo dục.

## ABSTRACT

### CASE-BASED LEARNING (CBL) IN TRAINING STUDENTS OF HEALTH-SCIENCE FIELDS: A REVIEW

Le Van Minh, Le Thi Gai, Nguyen Thi Be Hai, Nguyen Van Thong\*

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

**Background:** Case-Based Learning (CBL) is a flexible educational approach that promotes the application of knowledge to real scenarios and enhances practical skills development, particularly in the field of health sciences. CBL helps build deep knowledge and mentally prepare for clinical challenges, adapts well to changes in the way learners access new information, and they become self-learning and creative experts.. Therefore, we conduct a comprehensive overview of teaching using the CBL method in training students in the health-science fields. **Objective:** To provide an overview of method CBL and its effectiveness. **Collecting and processing reference materials:** We were searching for many articles related to CBL in teaching students with focusing on the health-care fields, summarized the requirements for CBL, its advantages and disadvantages, as well as the implementation process. In addition, information related to the application of CBL and its effectiveness was also mentioned. **Conclusion:** The CBL method not only helps health-care students improve their academic performance but also encourages their ability to diagnose and analyze medical cases, providing significant benefits for their skill development. Research results

*also indicated that CBL teaching methods can enhance student's professionalism and increase confidence in their future roles.*

**Keywords:** Case-Based Learning (CBL), health-science field, training.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong thời đại công nghệ, người học đối mặt với áp lực thích ứng nhanh chóng với sự gia tăng kiến thức. Giáo dục ngày nay cần chuyển đổi, tập trung vào việc trang bị kỹ năng tự học và sáng tạo. Phương pháp học dựa trên tình huống (Case based learning - CBL) là một giải pháp linh hoạt, thúc đẩy việc áp dụng kiến thức vào thực tế và phát triển kỹ năng thực hành đặc biệt là trong khối ngành khoa học sức khỏe. CBL giúp xây dựng kiến thức sâu sắc và chuẩn bị tinh thần cho thách thức trong lâm sàng, thích ứng với sự thay đổi trong cách người học tiếp cận thông tin, họ trở thành chuyên gia y tế tự học và sáng tạo.

Các nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra rằng học tập dựa trên tình huống không chỉ cải thiện hiệu suất học tập của sinh viên y và dược mà còn tăng cường khả năng phân tích tình huống thực tế. CBL không chỉ nâng cao điểm số học tập mà còn thúc đẩy khả năng thực hiện và phân tích các tình huống bệnh, mang lại lợi ích lớn cho sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên y khoa [1], [2]. Ngoài ra, CBL là một công cụ giảng dạy hiệu quả trong nhiều lĩnh vực y tế, kết nối lý thuyết với thực hành và có tác động tích cực từ việc học kiến thức đến cải thiện chất lượng chăm sóc người bệnh [3].

Trong những năm gần đây, Việt Nam đã đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học. Đến năm 2020, giáo dục đại học Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực và tiếp cận trình độ tiên tiến trên thế giới. Một trong những vấn đề trọng tâm của cải cách là đưa vào sử dụng những phương pháp học tập tiên bộ và phù hợp để nâng cao chất lượng đào tạo bậc đại học. Và giảng dạy – học tập theo phương pháp CBL hiện nay đang được các trường đại học tại Việt Nam ứng dụng rộng rãi [4]. Trong các trường đại học thuộc khối ngành khoa học sức khỏe như trường Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh, Huế, Hải Phòng, Thái Nguyên, Thái Bình đã và đang áp dụng phương pháp này nhưng hiện tại vẫn chưa có nghiên cứu nào được công bố.

Định hướng đến năm 2025, trường Đại học Y Dược Cần Thơ chuyển đổi sang chương trình đào tạo Y khoa dựa trên năng lực theo hướng tích hợp (CBME), đổi mới phương pháp giảng dạy nhằm mục đích đẩy mạnh chuyển đổi số và áp dụng phương pháp học tập dựa vào trường hợp đáp ứng chuẩn đầu ra của Nhà trường [5] và ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động dạy - học, tăng cường các hoạt động dạy và học trực tuyến trên e - learning nhằm phát triển năng lực tự học của sinh viên, lấy người học làm trung tâm, phát triển các phương pháp giảng dạy tích cực, không ngừng nâng cao chất lượng, hướng đến kiểm định ngoài theo tiêu chuẩn AUN-QA. Điều này đã thúc đẩy chúng tôi tiến hành một bài báo tổng quan về giảng dạy theo phương pháp CBL trong đào tạo sinh viên thuộc khối ngành khoa học sức khỏe. Mục tiêu của nghiên cứu này là cung cấp một cái nhìn tổng quan về khái niệm, qui trình triển khai, ưu nhược điểm và đánh giá hiệu quả phương pháp giảng dạy này mang lại. Hy vọng rằng thông tin từ bài báo có thể hỗ trợ các trường đại học trong quá trình áp dụng và tối ưu hóa CBL trong việc đào tạo sinh viên khối ngành khoa học sức khỏe, không chỉ ở hiện tại mà còn trong tương lai.

## II. NỘI DUNG

### 2.1. Tổng quan về CBL

#### 2.1.1. Khái niệm

CBL được gọi là giảng dạy dựa trên nghiên cứu tình huống và học tập theo phương pháp tình huống, là một phương pháp giảng dạy lâu đời với nhiều định nghĩa khác nhau tùy thuộc vào ngành học và loại “tình huống” được sử dụng. Ông James Lorrain Smith, giáo sư ngành Nội khoa tại Đại học Edinburgh, đã giới thiệu CBL là “phương pháp giảng dạy bệnh lý theo tình huống” [6]. Ông khuyến khích sinh viên liên hệ bệnh sử của người bệnh, bao gồm các triệu chứng và dấu hiệu, với kết quả xét nghiệm bằng cách nghiên cứu các tình huống trong hồ sơ bệnh án. Ngoài ra, phương pháp tiếp cận tình huống này được thiết kế để giúp sinh viên kết nối khoa học với thực hành lâm sàng.

Trong giáo dục khối ngành khoa học sức khỏe, hoạt động học tập thường dựa trên các tình huống người bệnh thực tế, mô phỏng, hình ảnh ảo hoặc dựa trên bài giảng. Điều này nhằm tăng cường liên quan vấn đề thông qua tập trung vào thực tế và cuộc sống thực của chuyên gia y tế. CBL trong giáo dục chăm sóc sức khỏe và xã hội không chỉ bao gồm trường hợp người bệnh "thực sự" mà còn liên quan đến các tình huống lâm sàng, tích hợp nghiên cứu từ các lĩnh vực khác và hướng dẫn sinh viên giải quyết các tình huống cụ thể. CBL là phương pháp giáo dục dựa trên tình huống nhằm chuẩn bị sinh viên cho thực hành lâm sàng, tập trung vào việc kết nối lý thuyết với thực tế và khuyến khích áp dụng kiến thức trong các tình huống thực tế [7].

#### 2.1.2. Yêu cầu về giảng dạy CBL trong khối ngành khoa học sức khỏe

Phương pháp học tập dựa trên tình huống trong giảng dạy ngành khoa học sức khỏe đặt nền tảng vào việc giảng viên sáng tạo các tình huống thực tế, thường xây dựng dựa trên câu chuyện có thật của người bệnh. Điểm quan trọng nhất là tính chân thực của tình huống, với sự tập trung vào những trải nghiệm thực tế, đầy đủ cảm xúc, thách thức và học hỏi. Sử dụng câu chuyện thực của người bệnh không chỉ giúp sinh viên nhận biết khía cạnh nhân văn của người bệnh mà còn phát triển kỹ năng phân tích và đánh giá dựa trên tình huống thực tế [9].

#### **Yêu cầu của tình huống**

##### *Thực tế*

Xây dựng tình huống cần dựa trên các trường hợp phổ biến để đảm bảo tính thực tế và sự ứng dụng rộng rãi trong giảng dạy và học tập. Những tình huống này thường đại diện cho những thách thức hoặc vấn đề thường gặp trong ngành, giúp sinh viên phát triển kỹ năng và kiến thức có giá trị trong thực tế, chuẩn bị họ cho những tình huống mà họ sẽ gặp phải trong sự nghiệp.

##### *Mạch lạc*

Một điểm quan trọng khác là xây dựng tình huống một cách mạch lạc như kể một câu chuyện, thay vì trình bày thông tin theo cách trừu tượng hoặc khô khan. Việc này giúp sinh viên dễ dàng hình dung và kết nối với tình huống, tạo nên một quá trình học thuận lợi và hấp dẫn.

##### *Phù hợp mục tiêu*

Tình tiết tình huống cần phù hợp với mục tiêu học tập đã đặt ra để sinh viên có cơ hội thực hành và áp dụng kiến thức vào mục tiêu cụ thể. Sự kết hợp giữa mục tiêu và tình huống giúp sinh viên phát triển những kỹ năng và hiểu biết cần thiết để đạt được mục tiêu học tập.

*Kích thích và thú vị*

Cuối cùng, tình huống học tập cần kích thích tính hứng thú của sinh viên, giúp họ tham gia tích cực và hiệu quả vào quá trình học. Bằng cách này, sinh viên có thể tự mình giải quyết thách thức hoặc vấn đề mà tình huống đặt ra, từ đó phát triển kỹ năng ra quyết định và tư duy tự lập [8], [9], [10].

**Yêu cầu đối với giảng viên**

Để hỗ trợ giảng viên thực hiện giảng dạy theo phương pháp học tập dựa trên tình huống trong khối ngành khoa học sức khỏe, họ cần trang bị những kỹ năng và kiến thức:

*Chuẩn bị tài liệu*

Trước hết, giảng viên cần có kỹ năng chuẩn bị tài liệu đa dạng và logic, đồng thời lựa chọn tài liệu sao cho không gây quá tải thông tin cho học viên. Kỹ năng tự lập kế hoạch dạy học là quan trọng để giảng viên có thể dẫn dắt buổi học hiệu quả, bao gồm cả quản lý thời gian và tài nguyên.

*Chuẩn bị bài kiểm tra*

Soạn một bài kiểm tra sơ bộ giúp đánh giá trình độ của học viên và tạo ra kế hoạch học tập phù hợp. Kỹ năng soạn thảo tình huống và câu hỏi thảo luận trong lĩnh vực sức khỏe giúp thúc đẩy quá trình học tập và trao đổi kiến thức.

*Kỹ năng điều phối*

Cuối cùng, kỹ năng điều phối trong thảo luận nhóm là quan trọng để giảng viên tạo môi trường học tập tích cực và đảm bảo mục tiêu đạt được một cách hiệu quả [8], [9], [10].

**Yêu cầu đối với sinh viên**

Sinh viên trong ngành khoa học sức khỏe cần phải đối mặt với nhiều yêu cầu khi họ ứng dụng các kỹ năng của phương pháp tình huống trong quá trình học tập. Đầu tiên và quan trọng nhất, họ phải có kiến thức sâu sắc về lý thuyết và kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học sức khỏe. Điều này đóng vai trò quan trọng trong việc hiểu rõ cơ sở lý thuyết và khoa học đằng sau các tình huống lâm sàng và thực hành.

Ngoài ra, sinh viên cần phải phát triển khả năng tư duy phản ánh. Khả năng này giúp họ có thể áp dụng lý thuyết và kiến thức vào các tình huống cụ thể một cách logic và có lý. Họ phải biết cách xem xét mọi khía cạnh của vấn đề, phân tích thông tin một cách kỹ lưỡng và đưa ra quyết định dựa trên những gì đang diễn ra trong tình huống.

Kỹ năng giao tiếp là một yếu tố quan trọng khác. Sinh viên phải biết cách tương tác với người bệnh, đồng nghiệp, và các thành viên trong đội ngũ chăm sóc sức khỏe. Sự giao tiếp hiệu quả giữa các bên đóng vai trò quan trọng trong quá trình chẩn đoán, điều trị và chăm sóc người bệnh.

Quản lý thời gian là một kỹ năng không thể thiếu trong lĩnh vực y tế. Sinh viên phải biết cách ưu tiên công việc, thực hiện các quy trình một cách hiệu quả và tuân thủ thời hạn, đặc biệt trong các tình huống khẩn cấp.

Kỹ năng giải quyết vấn đề là một phần quan trọng của quá trình học và thực hành trong ngành y tế. Có thể xuất hiện nhiều tình huống phức tạp đòi hỏi khả năng xử lý hiệu quả và đưa ra giải pháp thích hợp.

Ngoài ra, sinh viên cần phải có tinh thần hợp tác và y đức. Điều này bao gồm sự tôn trọng đối với quyền riêng tư của người bệnh và tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong lĩnh vực y tế. Tư duy đảm bảo sự an toàn và lợi ích của người bệnh là một phần không thể thiếu trong thực hành y khoa.

Cuối cùng, sinh viên phải có tinh thần sẵn sàng học hỏi và cải tiến. Lĩnh vực y tế luôn thay đổi và phát triển, và họ cần phải sẵn sàng cập nhật kiến thức và theo dõi những tiến bộ mới nhất để duy trì kiến thức và kỹ năng của họ.

Tóm lại, các yêu cầu này đảm bảo rằng sinh viên trong ngành khoa học sức khỏe có khả năng áp dụng phương pháp tình huống vào học tập và thực hành lâm sàng một cách hiệu quả và an toàn. Đồng thời, chúng giúp họ phát triển các kỹ năng quan trọng để thành công trong lĩnh vực này và đảm bảo sự chăm sóc tốt nhất cho người bệnh [8], [9], [10].

### **2.1.3. Ưu nhược điểm của phương pháp CBL**

#### **Ưu điểm**

Phương pháp dạy học dựa trên tình huống trong khối ngành khoa học sức khỏe không chỉ là một cách tiếp cận hiệu quả mà còn mang đến một loạt các lợi ích quan trọng. Một trong những điểm mạnh lớn nhất của phương pháp CBL là khả năng tạo mối liên kết chặt chẽ giữa lý thuyết và thực tế. Thay vì chỉ học thuộc lòng kiến thức trừu tượng, sinh viên được đưa vào các tình huống lâm sàng thực tế, giúp sinh viên nắm bắt sâu sắc cách lý thuyết hoạt động trong thực tế và cách áp dụng chúng trong các tình huống y khoa thực tế. Điều này không chỉ thúc đẩy sự hiểu biết sâu rộng mà còn khuyến khích sự tương tác tích cực giữa kiến thức lý thuyết và thực hành [11].

Hơn nữa, phương pháp tình huống không chỉ đào tạo kiến thức mà còn hướng phát triển các kỹ năng quan trọng. Sinh viên không chỉ học "cái gì," mà còn "làm thế nào" trong các tình huống y khoa thực tế. Kỹ năng tư duy phản ánh, giải quyết vấn đề và giao tiếp trở nên quan trọng hơn bao giờ hết, đặc biệt khi tương tác với người bệnh và đồng nghiệp trong môi trường chăm sóc sức khỏe đa dạng [2].

Một điểm độc đáo của phương pháp CBL là tạo ra một môi trường học tập chủ động, khuyến khích sinh viên tham gia tích cực. Sinh viên không chỉ đơn thuần là người tiêu thụ kiến thức mà còn tham gia vào quá trình học tập, đặt câu hỏi và tự mình tìm hiểu. Điều này giúp họ phát triển tinh thần tự học, một kỹ năng quan trọng trong bối cảnh y tế đang trải qua những thay đổi nhanh chóng [3].

Không chỉ thế, phương pháp dựa trên tình huống thúc đẩy sự tương tác và thảo luận. Việc thảo luận về các tình huống lâm sàng khuyến khích sự trao đổi ý kiến và mở rộng góc nhìn đối với vấn đề y tế. Điều này giúp sinh viên phát triển khả năng nghiên cứu và đặt ra các giải pháp mới, thúc đẩy sự sáng tạo trong lĩnh vực y tế [3].

Ngoài ra, phương pháp này còn tạo cơ hội cho sinh viên học hỏi trực tiếp từ thực tế. Việc thực hành và làm quen với các tình huống họ sẽ gặp trong lĩnh vực sức khỏe giúp xây dựng sự tự tin và tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp y khoa trong tương lai [3].

#### **Nhược điểm**

Việc ứng dụng phương pháp tình huống vào các học phần trong chương trình giảng dạy trong khối ngành khoa học sức khỏe đồng nghĩa với việc đối mặt với một loạt khó khăn và thách thức đáng kể. Mặc dù phương pháp CBL mang lại nhiều lợi ích quan trọng, nhưng cũng đòi hỏi sự chuẩn bị kỹ lưỡng và khả năng quản lý chặt chẽ. Dưới đây là một số khó khăn thường gặp và cách giảng viên có thể vượt qua chúng:

Một trong những thách thức lớn nhất đối với giảng viên khi áp dụng phương pháp tình huống là việc tạo ra tình huống lâm sàng phù hợp với nội dung của khóa học. Điều này đòi hỏi sự nghiên cứu và kiến thức sâu sắc về lĩnh vực y tế. Giảng viên phải đảm bảo rằng tình huống được chọn vừa đủ phức tạp để thách thức sinh viên, nhưng không quá khó để hiểu. Đồng thời, họ cần tạo ra tài liệu liên quan và cung cấp hướng dẫn rõ ràng cho sinh viên [12], [13].

Ngoài ra, việc chuẩn bị và triển khai tình huống lâm sàng có thể tốn nhiều thời gian và tài nguyên. Giảng viên cần có kế hoạch cụ thể để xây dựng, triển khai và đánh giá các tình huống. Điều này đòi hỏi tính kiên nhẫn và tổ chức tốt, cũng như khả năng quản lý thời gian hiệu quả [12].

Một thách thức khác liên quan đến việc đánh giá hiệu quả của phương pháp tình huống. Đặc biệt, đánh giá kỹ năng mềm và khả năng áp dụng kiến thức vào tình huống thực tế có thể gặp khó khăn. Giảng viên cần xem xét cách đánh giá một cách toàn diện và công bằng để đảm bảo rằng sinh viên được đánh giá dựa trên khả năng thực hiện và áp dụng kiến thức vào thực tế [13].

Tham gia tích cực của sinh viên cũng là một yếu tố quan trọng. Đôi khi, sinh viên có thể không tham gia tích cực vào việc xem xét và giải quyết các tình huống lâm sàng. Giảng viên cần tạo điều kiện để khuyến khích sự tham gia tích cực bằng cách tạo không gian cho thảo luận, đặt ra câu hỏi khám phá, và thúc đẩy sự tương tác [12], [13].

Quản lý lớp học cũng đòi hỏi sự kỹ năng và điều phối. Giảng viên cần có khả năng quản lý lớp học hiệu quả để đảm bảo rằng thời gian và tài nguyên được sử dụng một cách hiệu quả. Điều này bao gồm việc tạo không gian cho thảo luận, giám sát tiến trình, và đảm bảo tất cả sinh viên tham gia [12].

Cuối cùng, cân bằng giữa lý thuyết và thực hành cũng là một thách thức. Giảng viên cần xem xét cách tích hợp cả hai mặt này để đảm bảo rằng sinh viên có cơ hội áp dụng kiến thức trong tình huống thực tế mà vẫn hiểu rõ về lý thuyết [12].

#### **2.1.4. Quy trình**

Quy trình thực hiện phương pháp dạy học dựa trên tình huống trong giảng dạy các học phần thuộc khối ngành khoa học sức khỏe có thể được thực hiện theo các bước sau:

##### **Bước 1: Xác định mục tiêu học tập**

Giảng viên cần xác định rõ mục tiêu học tập cho khóa học hoặc học phần cụ thể. Điều này bao gồm việc xác định những kiến thức, kỹ năng và khả năng mà giảng viên muốn sinh viên phải đạt được khi kết thúc khóa học.

##### **Bước 2: Chọn tình huống lâm sàng và câu hỏi thảo luận**

Sau khi xác định mục tiêu học tập, giảng viên cần chọn hoặc tạo ra các tình huống lâm sàng liên quan. Tình huống này nên phản ánh các tình huống thực tế mà sinh viên có thể sẽ gặp trong lĩnh vực sức khỏe, và chú trọng đến các khía cạnh quan trọng của mục tiêu học tập. Có thể bao gồm hai dạng tình huống:

- Tình huống lâm sàng thực là một tình huống hoặc vấn đề mà người học gặp phải trong môi trường lâm sàng thực tế hoặc lĩnh vực học tập cụ thể. Đây là những tình huống có thể xảy ra trong thực tế, đòi hỏi sự áp dụng và kết hợp kiến thức lý thuyết đã học với kỹ năng và quyết định thực tế để giải quyết vấn đề hoặc xử lý tình huống. Trong bối cảnh của giảng dạy và học tập, tình huống lâm sàng thực thường được sử dụng để huấn luyện và đánh giá khả năng của người học áp dụng kiến thức và kỹ năng của họ trong môi trường làm việc thực tế.

- Tình huống lâm sàng giả định là một kịch bản được tạo ra để tạo ra một tình huống thực tế hóa mà người học có thể gặp phải trong ngành nghề hoặc lĩnh vực học tập cụ thể. Khác với tình huống lâm sàng thực, tình huống lâm sàng giả định không phải là một sự kiện thực tế đã xảy ra, mà là một tình huống được thiết kế để kiểm tra hoặc đào tạo kỹ năng, quyết định, và áp dụng kiến thức. Trong quá trình giảng dạy và đào tạo, tình huống lâm sàng giả định có thể được sử dụng để đánh giá khả năng của người học xử lý tình huống phức tạp, đưa ra quyết định, và áp dụng kiến thức chuyên môn của họ vào một bối cảnh giả định.

Điều này giúp họ phát triển kỹ năng giải quyết vấn đề và chuẩn bị cho những tình huống thực tế mà họ có thể gặp trong nghề nghiệp.

### **Bước 3: Chuẩn bị tài liệu**

Tạo tài liệu học tập liên quan đến tình huống lâm sàng nhằm đảm bảo rằng tài liệu cung cấp đủ thông tin cho sinh viên để giải quyết tình huống. Có thể gồm các tài liệu sau:

- Tài liệu học tập như giáo trình, video, sách giáo khoa, và tạp chí là rất quan trọng. Các tài liệu này nên được lựa chọn một cách cẩn thận để phản ánh đúng mục tiêu học tập của bài giảng hoặc của toàn bộ môn học hoặc module. Đồng thời, chúng cũng cần dễ dàng tìm kiếm và có sẵn để sinh viên có thể tiếp cận một cách thuận lợi.

- Tài liệu hướng dẫn sinh viên sẽ cung cấp lý do học tình huống cụ thể, mục tiêu học tập, và danh sách tài liệu cần đọc trước. Hướng dẫn sẽ chi tiết cách tìm kiếm thông tin từ thư viện, cơ sở dữ liệu trực tuyến, và tài nguyên mạng. Nội dung tình huống sẽ bao gồm mô tả chi tiết và câu hỏi thảo luận để học viên có thể áp dụng kiến thức vào tình huống thực tế.

- Tài liệu hướng dẫn cho giảng viên sẽ cung cấp lý do chọn tình huống cụ thể, mục tiêu học tập, và danh sách tài liệu cần học trước. Nội dung tình huống sẽ bao gồm cả câu hỏi thảo luận và đáp án chi tiết. Kế hoạch dạy-học sẽ mô tả những hoạt động dành trong lớp và phân bố thời gian cho từng phần. Mục tiêu là giúp giảng viên chuẩn bị và triển khai bài giảng một cách hiệu quả, đảm bảo rằng học viên có thể hấp thụ kiến thức và áp dụng vào thực tế.

### **Bước 4: Xác định cách đánh giá**

Xác định cách đánh giá hiệu suất của sinh viên. Cần nhắc việc sử dụng các tiêu chí đánh giá như kỹ năng lâm sàng, kiến thức, tư duy phản ánh, và khả năng giải quyết vấn đề. Điều này có thể bao gồm việc xây dựng bài kiểm tra (pre-test), phân loại công việc, hoặc thảo luận và báo cáo.

- Bài pre-test là một công cụ quan trọng để đánh giá kiến thức cơ bản hoặc sự chuẩn bị của sinh viên trước một buổi học hoặc khóa học. Thực hiện trước buổi học CBL, bài kiểm tra này không chỉ xác định mức độ chuẩn bị của sinh viên mà còn phát hiện lỗ hổng trong kiến thức sau khi họ tự học tài liệu. Việc lựa chọn phương pháp pre-test bằng các câu hỏi nhiều lựa chọn (Multiple-choice question - MCQ) hoặc câu hỏi ngắn là quan trọng để đảm bảo tính đa dạng và đầy đủ. Sử dụng ít nhất 25 câu hỏi trắc nghiệm với tối thiểu 4 lựa chọn cho mỗi câu giúp tăng cường khả năng đánh giá sâu sắc và chính xác kiến thức của sinh viên. Thời điểm thực hiện pre-test, đặc biệt là 25 MCQ trong khoảng 25-30 phút trước buổi học, là quan trọng để đánh giá nhanh chóng mức độ hiểu biết và chuẩn bị của sinh viên, hỗ trợ giảng viên điều chỉnh nội dung giảng dạy cho phù hợp và hiệu quả.

- Các MCQ được phân loại thành bốn mức độ khác nhau để đánh giá và thách thức sinh viên theo độ khó và yêu cầu tư duy tăng dần. Mức độ 1, nhớ lại cơ bản (25%), tập trung vào việc nhớ thông tin cơ bản và sử dụng các kỹ năng đơn giản như quan sát, định nghĩa, và liệt kê. Mức độ 2, áp dụng kiến thức (50%), đòi hỏi sinh viên hiểu và sử dụng thông tin một cách có tổ chức, vượt qua ít nhất hai chận tư duy. Mức độ 3, phân tích (25%), yêu cầu sinh viên phân chia tình huống thành các phần và áp dụng chiến lược tư duy phức tạp. Cuối cùng, mức độ 4, suy nghĩ sâu, đưa ra thách thức cao nhất, yêu cầu sinh viên đánh giá và áp dụng thông tin để tạo ra điều mới hoặc nghĩ ra cách tiếp cận mới. Điều này giúp tạo ra một bài kiểm tra đa dạng và đầy đủ, thích ứng với mức độ hiểu biết và khả năng tư duy của sinh viên [14].

### **Bước 5: Điều phối thảo luận nhóm [15]**

*Ba vai trò chính của điều phối viên thảo luận nhóm:*

- *Quản lý việc học* của giảng viên là yếu tố quan trọng để tổ chức buổi học hiệu quả. Xác định mục tiêu học tập cụ thể khi bắt đầu buổi giúp hướng dẫn rõ ràng và tránh những thảo luận lạc đề. Câu hỏi trong quá trình thảo luận khám phá sâu về hiểu biết của học viên và khuyến khích thảo luận tích cực. Làm rõ các khía cạnh gây hiểu lầm và sử dụng ví dụ giúp mọi người hiểu thông tin chính xác. Phản hồi ngay lập tức và phản biện cuối buổi học hỗ trợ học viên nhận biết điểm mạnh và điểm cần cải thiện. Tạo môi trường thảo luận mở cửa khuyến khích sự tương tác tích cực và học tập liên tục từ sinh viên.

- *Quản lý hoạt động trong buổi học* đóng vai trò quan trọng, đảm bảo buổi học đúng giờ, duy trì mạch nội dung hợp lý và tạo điều kiện thuận lợi. Việc quản lý trình tự học tập giúp sinh viên theo dõi tổ chức từ mục tiêu đến chi tiết. Kích thích sự tham gia tích cực trong thảo luận và khuyến khích đặt câu hỏi làm cho môi trường học tập trở nên động lực và tích cực.

- *Quản lý nhóm* đóng vai trò quan trọng trong việc tổ chức hoạt động nhóm, giải quyết xung đột và đảm bảo hành vi chuyên nghiệp. Kế hoạch và phân công nhiệm vụ công bằng, theo dõi tiến độ và khuyến khích sự chủ động là chìa khóa. Xử lý xung đột đòi hỏi môi trường mở, phản hồi tích cực và áp dụng quy tắc chuyên nghiệp. Những chiến lược này giúp xây dựng và duy trì một nhóm tích cực, hợp tác và chuyên nghiệp.

*Những chiến lược cần quan tâm khi thực hiện điều phối bao gồm:*

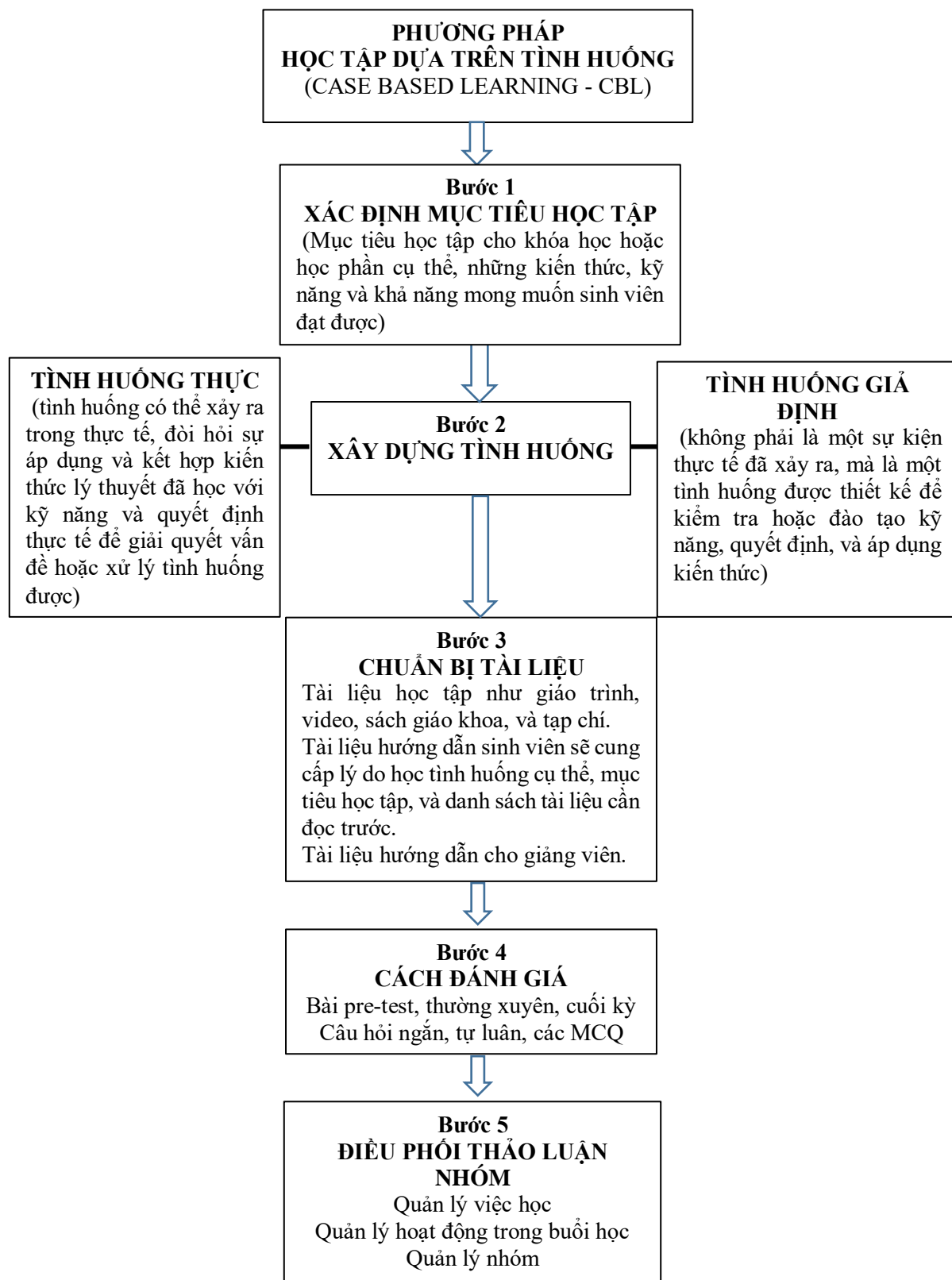
- *Quản lý giảng dạy* có thể tạo môi trường học tập tích cực bằng cách sắp xếp chỗ ngồi, kiểm tra môi trường, và tổ chức hoạt động giới thiệu. Quy định kỳ vọng, bảo mật thông tin cá nhân, và sử dụng tên sinh viên tạo sự an toàn và cá nhân hóa. Khuyến khích thảo luận nhóm và phân công vai trò để tăng tương tác tích cực. Cuối cùng, đặt câu hỏi hoặc quan sát để hiểu nhu cầu học tập cá nhân và điều chỉnh phương pháp giảng dạy. Những biện pháp này thúc đẩy sự hứng thú và tham gia tích cực của sinh viên.

- Người hướng dẫn đóng vai trò quan trọng trong việc đặt câu hỏi trong thảo luận nhóm để khám phá nhu cầu học tập của học viên. Sử dụng các loại câu hỏi phù hợp giúp khơi dậy trí tò mò, thúc đẩy lý luận, tư duy phản biện, và xác định lỗ hổng kiến thức. Các loại câu hỏi bao gồm kiểm tra thông tin cơ bản, đo độ hiểu biết, và câu hỏi mở để khuyến khích sự hiểu biết sâu sắc và kỹ năng giải quyết vấn đề.

- Sau mỗi buổi học, giảng viên tự phản ánh để đánh giá hiệu suất giảng dạy. Câu hỏi xoay quanh điểm mạnh, cải thiện, và mức độ thu hút sinh viên giúp họ định rõ hướng điều chỉnh. Nhận phản hồi từ sinh viên và đồng nghiệp đóng vai trò quan trọng, với mục tiêu cải thiện hiệu suất giảng dạy và tăng sự tham gia và hứng thú của sinh viên.

- Đối mặt với thách thức khi điều phối nhóm nhỏ, giảng viên có thể áp dụng giải pháp như tạo điều kiện thuận lợi và tăng tương tác để khuyến khích sự tham gia. Việc giao nhiệm vụ trước giúp sinh viên chuẩn bị, trong khi đối với sinh viên "thờ ơ," gán nhiệm vụ cụ thể và công nhận đóng góp tích cực có thể là giải pháp. Đối với vấn đề thống trị hoặc gây rối, phân chia nhiệm vụ và sử dụng thời gian hiệu quả có thể duy trì trật tự. Các biện pháp như tăng cường phản hồi và tạo cơ hội cho sinh viên thể hiện kiến thức có thể giúp cải thiện buổi học.





Sơ đồ 1. Quy trình phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL)

## 2.2. Các nghiên cứu đánh giá giảng dạy theo CBL trong khối ngành sức khỏe

### 2.2.1. Giảng dạy theo CBL trong giáo dục khối ngành sức khỏe

Học tập dựa trên tình huống ngày càng phổ biến trong giáo dục ngành khoa học sức khỏe, tập trung vào đào tạo sinh viên qua các tình huống thực tế. Nghiên cứu mới của Yaroslav Tsekhmister (2023) trên 21 thử nghiệm ngẫu nhiên so sánh học tập dựa trên tình huống với phương pháp giảng dạy khác. Kết quả cho thấy sự đa dạng và hiệu quả của phương pháp này, đặc biệt trong lĩnh vực y tế và dược phẩm. So sánh với học truyền thống cho thấy sự khác biệt đáng kể, với nhận định rằng học tập dựa trên tình huống có thể cải thiện kết quả học tập và khả năng xử lý tình huống thực tế của sinh viên [11].

Cen XY và đồng nghiệp (2021) tổng quan 8 nghiên cứu về phương pháp giảng dạy học tập dựa trên tình huống (CBL) cho sinh viên y khoa. Với 939 sinh viên tham gia, CBL đã cho thấy khả năng cải thiện kết quả học tập ( $p=0,03$ ) và nâng cao khả năng phân tích tình huống ( $p<0,001$ ) so với các phương pháp giảng dạy khác. Tác giả kết luận rằng CBL là phương pháp giảng dạy tích cực và hiệu quả trong đào tạo y khoa, không chỉ cải thiện học tập mà còn tăng cường khả năng xử lý và phân tích các tình huống bệnh, đem lại nhiều lợi ích cho sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên [2].

Susan F McLean và cộng sự (2016) đánh giá phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL) trong y tế. Qua xem xét 70 bài báo, họ nhận thấy CBL được sử dụng và nghiên cứu toàn cầu, chủ yếu tại trình độ đại học (64%) và sau đại học (34%). Lĩnh vực nghiên cứu tập trung vào y học, điều dưỡng, trị liệu nghề nghiệp, sức khỏe liên quan, phát triển trẻ em và nha khoa. Với số lượng sinh viên trung bình là 214, phương pháp phân phối chính là trình bày trực tiếp (49%). Kết quả thường bao gồm khảo sát, kiểm tra kiến thức và kiểm tra cộng với khảo sát. Tác giả kết luận rằng CBL là công cụ giảng dạy hiệu quả trong y tế, giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực hành và tạo ra tác động tích cực từ kiến thức đến kết quả chăm sóc người bệnh [3].

Nghiên cứu của Montosh Chakraborty và đồng nghiệp (2015) so sánh hiệu quả giữa phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL) và học tập dựa trên vấn đề (PBL) trong giáo dục y khoa. CBL được đánh giá là phương pháp hiệu quả hơn, đặc biệt trong việc giáo viên có vai trò quan trọng trong chuẩn bị tình huống và hướng dẫn phiên CBL. Nghiên cứu trên 126 sinh viên y khoa năm thứ nhất cho thấy cả hai phương pháp đều cải thiện kết quả học tập, nhưng nhóm tham dự CBL có kết quả tốt hơn với ý nghĩa thống kê. Tuy nhiên, nghiên cứu đề xuất cần thêm nghiên cứu lớn hơn để có cái nhìn toàn diện hơn về hiệu quả của CBL so với PBL trong giáo dục y khoa [12].

Nghiên cứu của Samara B Ginzburg và đồng nghiệp (2018) chứng minh hiệu quả của việc tích hợp đào tạo kỹ năng lãnh đạo vào chương trình PBL/CBL mà không làm tăng thêm thời gian giảng dạy. Chương trình PEARLS tập trung vào tích hợp lý luận, học tập và tổng hợp với người bệnh làm trung tâm. 98 sinh viên y khoa tham gia và có sự cải thiện liên tục về kỹ năng lãnh đạo từ khóa học đầu tiên đến cuối cùng, đặc biệt là ở tư duy vượt trội và cải tiến quy trình. Kết luận nghiên cứu là kết hợp tiếp cận theo chiều dọc và tổng hợp để đào tạo kỹ năng lãnh đạo trong PBL/CBL là hiệu quả, giúp sinh viên nâng cao kỹ năng mà không làm tăng thêm thời gian giảng dạy [16].

Theo nghiên cứu của Yaying Zhao và đồng nghiệp (2022), phương pháp giảng dạy dựa trên ca bệnh lâm sàng (CBL) cải thiện tỷ lệ tuân thủ và tăng sự tự tin của sinh viên y khoa trong quá trình đào tạo. Nghiên cứu này thực hiện trên 86 sinh viên y khoa, chia thành nhóm CBL và nhóm đối chứng. Đánh giá tâm lý bao gồm quan sát cử động và bộ câu hỏi đánh giá điểm số về hoạch định tương lai, sức khỏe nghề nghiệp và tinh thần tập thể. Kết

quả cho thấy ảnh hưởng tích cực của phương pháp giảng dạy CBL đối với sự phát triển và tự tin của sinh viên y khoa [17].

Hiện nay chưa có nhiều báo cáo (bài báo) về việc áp dụng phương pháp CBL trong dạy-học khối ngành khoa học sức khỏe ở Việt Nam, mặc dù phương pháp dạy-học theo CBL đã được triển khai tại 5 trường bao gồm trường Đại học Y Dược TPHCM, Huế, Hải Phòng, Thái Nguyên và Thái Bình. Giai đoạn 2 có 5 trường đang triển khai gồm trường Đại học Y Hà Nội, trường Đại học Y Dược Cần Thơ, Kỹ thuật Y Dược Đà Nẵng, Kỹ thuật Y Dược Hải Dương và Khoa Y Đại học Quốc gia TPHCM, tuy nhiên chưa tìm thấy những bài báo liên quan.

### **2.2.1. Giảng dạy theo CBL trong giáo dục trong một số môn học/học phần cụ thể**

Đối với chuyên ngành Nội khoa, theo nghiên cứu của Đại học Y khoa Bắc Kinh, Trung Quốc (2021), nghiên cứu này khám phá ứng dụng phương pháp học tập dựa trên tình huống lai (CBL) kết hợp với học tập dựa trên nhóm (TBL) trong giáo dục nội khoa ở sinh viên y học Trung Quốc. Sinh viên từ các lớp 2014, 2015 và 2016 của Đại học Y học Bắc Kinh, Trung Quốc tham gia. Lớp 2014 là nhóm đối chứng, áp dụng phương pháp giảng dạy truyền thống, trong khi lớp 2015 và 2016 là nhóm thử nghiệm, sử dụng phương pháp CBL + TBL. Kết quả cho thấy nhóm thử nghiệm đạt điểm cao hơn ở cả kiểm tra lý thuyết và kỹ năng lâm sàng, thể hiện sự khác biệt đáng kể. Việc tích hợp phương pháp CBL + TBL làm gia tăng khả năng tự học và tăng cường ý thức làm việc nhóm của sinh viên, làm tăng hiệu suất giảng dạy trong các khóa học lâm sàng [18].

Theo nghiên cứu của Đại học Y khoa Bắc Kinh, Trung Quốc (2021) trong chuyên ngành Nội khoa, áp dụng phương pháp học tập dựa trên tình huống lai (CBL) kết hợp với học tập dựa trên nhóm (TBL) ở sinh viên y học Trung Quốc đã mang lại kết quả tích cực. Nhóm thử nghiệm sử dụng phương pháp CBL + TBL (lớp 2015 và 2016) đạt điểm cao hơn ở cả kiểm tra lý thuyết và kỹ năng lâm sàng so với nhóm đối chứng (lớp 2014), thể hiện sự khác biệt đáng kể và tăng cường hiệu suất giảng dạy trong các khóa học lâm sàng [19].

Trong một nghiên cứu ngẫu nhiên có đối chứng về chuyên ngành Nội khoa, 80 sinh viên sau đại học ngành ung thư năm thứ nhất từ trường cao đẳng y tế Bengbu đã được chia thành hai nhóm. Nhóm thử nghiệm sử dụng phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL), và nhóm đối chứng sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống. Kết quả cho thấy nhóm CBL có hiệu suất tốt hơn đáng kể trong bảng câu hỏi và kiểm tra so với nhóm giảng dạy truyền thống. Sinh viên CBL cũng thể hiện mức độ hài lòng và khả năng giải quyết vấn đề cao. Nghiên cứu kết luận rằng phương pháp CBL là hiệu quả hơn để cải thiện khả năng giải quyết vấn đề cho sinh viên ngành ung thư nội khoa so với giảng dạy truyền thống [11].

Theo nghiên cứu của tác giả Wanjun Zhao (2020) trong lĩnh vực Ngoại khoa, đã đánh giá hiệu quả của phương pháp học tập kết hợp PBL và CBL trong giáo dục về các vấn đề phẫu thuật tuyến giáp. Phương pháp này được áp dụng từ tháng 9 năm 2014 đến tháng 6 năm 2019. Kết quả cho thấy, nhóm PBL-CBL có điểm số tăng đáng kể sau khóa học so với nhóm truyền thống. Nhóm PBL-CBL cũng đạt điểm cao hơn về động lực, hiểu biết, tương tác, kỳ thi cuối kỳ, kỹ năng và sự tiếp thu kiến thức, với thời gian học ít hơn so với nhóm truyền thống. Phương pháp kết hợp PBL-CBL được kết luận là hiệu quả để cải thiện hiệu suất và kỹ năng lâm sàng của sinh viên y học [20].

Trong một nghiên cứu khác về giảng dạy khối u đường tiêu hóa cho thấy sự hài lòng chung của sinh viên đối với việc kết hợp giảng dạy theo phương pháp vấn đề (PBL) và học tập dựa trên tình huống (CBL) đáng kể cao hơn so với phương pháp giảng dạy truyền thống. Sinh viên trong nhóm PBL-CBL thể hiện sự chủ động và sáng tạo cao, thiếu tư duy lâm

sàng độc lập và tham gia tích cực hơn. Họ cũng có đánh giá và nhận thức tốt hơn về bệnh tổng thể. Cách trình bày trực quan giúp sinh viên hiểu rõ hơn về các tình huống khối u và mang lại hiệu quả giảng dạy tích cực [21].

Theo nghiên cứu của Yi-ping Mei (2022) về Sản Phụ khoa, thực hiện trên sinh viên điều dưỡng phụ khoa, nhóm thử nghiệm được đào tạo theo phương pháp giảng dạy tình huống lâm sàng, họ có kết quả tốt hơn và đánh giá cao hiệu ứng của lớp học. Phương pháp này cải thiện hiệu suất, kích thích sự hứng thú và phát triển kỹ năng tự học, tư duy lâm sàng, giải quyết vấn đề, làm việc nhóm, và giao tiếp. Phương pháp giảng dạy tình huống lâm sàng với vai trò tích cực trong giảng dạy, được sinh viên đánh giá cao và đề xuất mở rộng áp dụng [22].

Theo nghiên cứu của Yuan Pan (2020) trong lĩnh vực Nhi khoa, 104 sinh viên y học lâm sàng ở Trung Quốc được chia thành hai nhóm: nhóm thử nghiệm (mô hình MF + CBL) và nhóm đối chứng (mô hình LBL). Sau 8 tuần học, nhóm thử nghiệm có hiệu suất tốt hơn về tự đánh giá, sự hài lòng và kết quả kỳ thi cuối kỳ. Mặc dù có ý kiến phản đối về tính tốn thời gian và năng lượng, mô hình MF + CBL vẫn được xem là phương pháp giảng dạy sáng tạo, thúc đẩy sự phát triển toàn diện và tiềm năng tối ưu hóa khả năng của các bác sĩ nhi khoa [23].

Mahima Lall và đồng nghiệp (2021) thực hiện nghiên cứu thí điểm về phương pháp học tập dựa trên tình huống (CBL) trong giảng dạy vi sinh tại một trường cao đẳng y tế. Nghiên cứu này gồm 60 sinh viên y học năm thứ hai, tham gia qua chương trình mới với bốn chủ đề được giảng dạy thông qua tình huống cụ thể. Sau sáu tuần, sinh viên đánh giá tích cực về CBL thông qua bảng câu hỏi khảo sát. Kết quả cho thấy sự thay đổi tích cực trong quan điểm của sinh viên về vi sinh y học, từ lý thuyết trừu tượng sang ứng dụng lâm sàng và hấp dẫn [24].

Năm 2017, Athanasios Hassoulas và đồng nghiệp tạo ra một tình huống về sức khỏe tâm thần tại Đại học Cardiff, đánh dấu sự đổi mới trong giảng dạy y khoa. Trong năm thứ nhất và hai, sinh viên hoàn thành 17 tình huống, tập trung vào phương pháp học tập dựa trên người bệnh và sinh viên. Trong tình huống sức khỏe tâm thần, việc kết hợp nhiều tài liệu mới như video, tình huống lâm sàng và học tập trên các trang mạng củng cố trải nghiệm học tập và triết lý hướng đến người bệnh. Sinh viên đánh giá cao phương pháp này, đặc biệt là với việc sử dụng bảng câu hỏi có cấu trúc. Kết quả cho thấy sự tích hợp này cung cấp sự hiểu biết vững về chuyên ngành và tác động tích cực đối với sự quan tâm và lựa chọn nghề nghiệp của sinh viên, thúc đẩy sự đổi mới trong giảng dạy y khoa [25].

Fanghui Wu và đồng nghiệp (2023) nghiên cứu về hiệu quả phương pháp sư phạm CBL trong giáo dục tâm lý học. Kết quả cho thấy sinh viên trong nhóm CBL đạt điểm kiểm tra cao hơn so với nhóm dựa trên bài giảng truyền thống [Hedges'  $g = 0,68$ ,  $p < 0,00$ ]. Sinh viên hài lòng với CBL, cho thấy phương pháp này cải thiện hiệu suất và tạo môi trường học tập tích cực. Tuy nhiên, nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc áp dụng CBL trong giáo dục tâm lý còn đối mặt với thách thức và cần nghiên cứu và cải tiến thêm [26].

### III. KẾT LUẬN

So sánh giữa học tập dựa trên tình huống và học tập truyền thống đã tiếp tục chỉ ra sự chênh lệch đáng kể trong kết quả học tập. Các nghiên cứu đã chỉ ra học tập dựa trên tình huống không chỉ giúp cải thiện hiệu suất học tập của sinh viên y và dược, mà còn tăng cường khả năng phân tích các tình huống thực tế. Phương pháp này không chỉ hỗ trợ nâng cao

điểm số học tập mà còn thúc đẩy khả năng thực hiện và phân tích các tình huống bệnh, mang lại lợi ích lớn cho quá trình học và sự phát triển nghề nghiệp của sinh viên y khoa.

Các nghiên cứu chi tiết hóa ưu điểm và nhược điểm của CBL so với học tập dựa trên vấn đề, đồng thời làm nổi bật sự đa dạng trong trải nghiệm của sinh viên và ảnh hưởng đến chăm sóc người bệnh. Các tác giả kết luận rằng CBL là một công cụ giảng dạy hiệu quả trong nhiều lĩnh vực y tế, giúp sinh viên kết nối lý thuyết với thực hành và có tác động tích cực từ việc học kiến thức đến việc cải thiện kết quả chăm sóc người bệnh.

Các nghiên cứu cũng nhấn mạnh sự cần thiết của các nghiên cứu nhất quán hơn, đặc biệt là những nghiên cứu theo chiều dọc với mẫu số lượng lớn để đánh giá toàn diện hơn về hiệu quả của CBL so với PBL trong giáo dục y khoa. Tổng kết của các nghiên cứu là việc kết hợp phương pháp tiếp cận theo chiều dọc và tổng hợp đề đào tạo kỹ năng lãnh đạo trong đào tạo CBL và PBL một cách hiệu quả, mang lại lựa chọn tiết kiệm thời gian và hiệu quả cho việc phát triển khả năng lãnh đạo cho sinh viên y khoa. Kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phương pháp giảng dạy CBL có thể cải thiện tỷ lệ tuân thủ của sinh viên y khoa và tăng cường sự tự tin đối với vai trò của họ trong tương lai.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tsekhmister Yaroslav. Effectiveness of case-based learning in medical and pharmacy education: A meta-analysis. *Electronic Journal of General Medicine*, 2023, 20(5), <https://doi.org/10.29333/ejgm/13315>.
2. Cen X-Y, Hua Y, Niu S, Yu T. Application of case-based learning in medical student education: a meta-analysis. *Eur Rev Med Pharmacol Sci*, 2021, 25(8), 3173-3181, [https://doi.org/10.26355/eurrev\\_202104\\_25726](https://doi.org/10.26355/eurrev_202104_25726).
3. McLean F. Susan. Case-Based Learning and its Application in Medical and Health-Care Fields: A Review of Worldwide Literature. *J Med Educ Curric Dev*, 2016, 3, <https://doi.org/10.4137/JMECD.S20377>.
4. Chính phủ. Nghị quyết về đổi mới cơ bản và toàn diện giáo dục đại học Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020. 2005. <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Giao-duc/Nghi-quyet-14-2005-NQ-CP-doi-moi-co-ban-va-toan-dien-giao-duc-dai-hoc-Viet-Nam-giai-doan-2006-2020-5013.aspx>.
5. Chính phủ. Quyết định về phê duyệt chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. <https://chinhphu.vn/default.aspx?pageid.=27160&docid=200163>.
6. Sturdy Steve. Scientific method for medical practitioners: the case method of teaching pathology in early twentieth-century Edinburgh. *National Library of Medicine*, 2007, 81(4), 760-792, <https://doi.org/10.1353/bhm.2007.0093>.
7. Thistlethwaite J. E., Davies D., Ekeocha S. and et al. The effectiveness of case-based learning in health professional education. A BEME systematic review: BEME Guide No. 23. *Medical Teacher*, 2012, 34(6), e421-e444, <https://doi.org/10.3109/0142159X.2012.680939>.
8. Dewhurst D. G., Macleod H. A., Norris T. A. M. Independent student learning aided by computers: an acceptable alternative to lectures?. *Computers & Education*, 2000, 35(3), 223-241, [https://doi.org/10.1016/S0360-1315\(00\)00033-6](https://doi.org/10.1016/S0360-1315(00)00033-6).
9. Kulak V., Newton G. A guide to using case-based learning in biochemistry education. *Biochemistry and Molecular Biology Education*, 2014, 42(6), 457-473, <https://doi.org/10.1002/bmb.20823>.
10. Trương Mỹ Linh, Lê Thị Bích Phượng, Hồ Văn An. Ứng dụng phương pháp tình huống (case study) để rèn luyện các kỹ năng trong học tập của sinh viên tại Trường Đại học Luật, đại học Huế. *Tạp chí pháp luật và thực tiễn*, 2021, (49), 101-112.

11. Bi M., Zhao Z., Yang J. and Wang Y. Comparison of case-based learning and traditional method in teaching postgraduate students of medical oncology. *Med Teach*, 2019, 41(10), 1124-1128, <https://doi.org/10.1080/0142159X.2019.1617414>.
12. Singh, Prerna. CBL in Medical Education Effective Learning Methodology than PBL. *International Journal of Integrative Medical Sciences*, 2015, 2(8), 145-150, <https://doi.org/10.16965/ijims.2015.121>.
13. Petrescu M. S., Stalmeijer R. E., Rethans J. J., Thammasitboon S. Learning in Pediatric Emergency Situations: A Qualitative Study of Residents' Perspectives. *Pediatr Crit Care Med*, 2020, 21(10), 886-892, <https://doi.org/10.1097/PCC.0000000000002428>.
14. Krathwohl, David R. A revision of Bloom's taxonomy: An overview. *Theory into practice*, 2002, 41(4), 212-218, [https://doi.org/10.1207/s15430421tip4104\\_2](https://doi.org/10.1207/s15430421tip4104_2).
15. Burgess A., Diggele V. C., Roberts C. and Melis Craig. Facilitating small group learning in the health professions. *BMC Med Educ*, 2020, 20(Suppl 2), 457, <https://doi.org/10.1186/s12909-020-02282-3>.
16. Ginzburg B. S., Deutsch S., Bellissimo J. and et al. Integration of leadership training into a problem/case-based learning program for first- and second-year medical students. *Adv Med Educ Pract*, 2018, 9, 221-226, <https://doi.org/10.2147/AMEP.S155731>.
17. Zhao Y., Liu W., Wang Z. and et al. The Value of CBL-Based Teaching Mode in Training Medical Students' Achievement Rate, Practical Ability, and Psychological Quality. *Contrast Media Mol Imaging*, 2022, 2022, 2121463, <https://doi.org/10.1155/2022/2121463>.
18. Yuan F., Lijie L., Lihong N. and et al. Application of the Hybrid CBL+TBL Method in Internal Medicine Teaching Practice of TCM Universities. *International Journal of Chinese Medicine*, 2021, 5(3), 48-52. <https://doi.org/10.11648/j.ijcm.20210503.12>.
19. Clegg K., Schubert J. T., Block C. R. and et al. Translating Evidence-based Approaches into optimal Care for individuals at High-risk of ASCVD: Pilot testing of case-based e-learning modules and design of the TEACH-ASCVD study. *J Clin Lipidol*, 2023, <https://doi.org/10.1016/j.jacl.2023.07.007>.
20. Zhao W., He L., Deng W. and et al. The effectiveness of the combined problem-based learning (PBL) and case-based learning (CBL) teaching method in the clinical practical teaching of thyroid disease. *BMC Med Educ*, 2020, 381(2020), <https://doi.org/10.1186/s12909-020-02306-y>.
21. Li H., Qi X., Nie Tingting. PBL and CBL integrated picture example in the teaching of gastrointestinal tumor. *Asian Journal of Surgery*, 2022, 45(12), 3042-3043. <https://doi.org/10.1016/j.asjsur.2022.09.051>.
22. Mei Yining. Application of Clinical Case Teaching Mode in Gynecological Nursing Teaching. *Comput Math Methods Med*, 2022, 2022, 9739313, <https://doi.org/10.1155/2022/9739313>.
23. Pan Y., Chen X., Wei Q. and et al. Effects on applying micro-film case-based learning model in pediatrics education. *BMC Med Educ*, 2020, 20(1), 500, <https://doi.org/10.1186/s12909-020-02421-w>.
24. Lall M., Datta K. A pilot study on case-based learning (CBL) in medical microbiology; students perspective. *Medical Journal Armed Forces India*, 2021, 77(Suppl 1), S215-S219, <https://doi.org/10.1016/j.mjafi.2021.01.005>.
25. Hassoulas A., Forty E., Hoskins M. and et al. A case-based medical curriculum for the 21st century: The use of innovative approaches in designing and developing a case on mental health. *Med Teach*, 2017, 39(5), 505-511, <https://doi.org/10.1080/0142159X.2017.1296564>.
26. Wu F., Wang T., Yin D. and et al. Application of case-based learning in psychology teaching: a meta-analysis. *BMC Medical Education*, 2023, 23(1), 609, <https://doi.org/10.1186/s12909-023-04525-5>.